

Bản án số: 02/2023/HSST
Ngày: 13-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thanh Hà

2/ Bà Phạm Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc M, sinh năm 2003. Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi cư trú: Số 271/6, khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (sống) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1974 (sống); chị ruột: có 01 người, sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1) Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2) Anh **Trần Tiếng L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2) Anh **Đặng Tấn K**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 05/10/2022, Bùi Ngọc M sống chung nhà mẹ ruột là bà Bùi Thị T và vợ chồng chị ruột là Nguyễn Thị Bé T, anh Trần Tiếng L. Sau khi bà T, chị T và anh L đi làm, không có ai ở nhà nên M nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của chị T để lấy tiền trả nợ, M xuống bếp lấy một cây kéo rồi trèo qua tường vào phòng của chị T, M dùng cây kéo mở hai ổ khóa rồi và một ổ khóa tủ sắt trong phòng ngủ chị T, phát hiện có một chiếc lắc tay và một sợi dây chuyền vàng, M lấy một sợi dây chuyền vàng dạng mắc xích, loại vàng 12K, trọng lượng 02 chỉ 09 phân 04 li, rồi khóa tủ, trèo về phòng của M. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, M đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng Tấn Kiệt của anh Đặng Tấn K bán sợi dây chuyền được số tiền 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng), M đem trả nợ cho thiếu Bé (không rõ họ tên và địa chỉ) số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), dì Sáu (không rõ họ tên và địa chỉ) số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và dì Hai (không rõ họ tên và địa chỉ) số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), số tiền còn lại M tiêu xài cá nhân. Sau khi vợ chồng chị T phát hiện ổ khóa tủ sắt có dấu hiệu cạy khóa và kiểm tra bị mất sợi dây chuyền nên đến Công an phường P trình báo.

Tại Kết luận định giá số 114/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Ô kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắc xích, loại vàng 12K, trọng lượng 02 chỉ 09 phân 04 li. Giá mua vào 2.580.000 đồng/chỉ x 2,940 chỉ = 7.585.200 đồng. Giá trị của tài sản vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 05/10/2022) là 7.585.200 đồng (Bảy triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm đồng).

Vật chứng thu giữ: 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắc xích, vàng 12K, trọng lượng 02 chỉ 09 phân 04 li Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Bé T là chủ sở hữu.

Tạm giữ: 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu đen dài 23 cm, quai cầm bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, ghi chữ ZSOLEX-R đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, ghi chữ VIET TIEP đã qua sử dụng; 06 (sáu) chìa khóa bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, bà Bùi Thị T mua sợi dây chuyền trả cho bị hại nên bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSOM ngày 26/12/2022 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ để xét xử Bùi Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu đen dài 23 cm, quai cầm bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, ghi chữ ZSOLEX-R đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, ghi chữ VIET TIEP đã qua sử dụng; 06 (sáu) chìa khóa bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của chị Nguyễn Thị Bé T, chị T không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khi bà T, chị T và anh L đi làm, lợi dụng không có ai ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của chị T để lấy tiền trả nợ, bị cáo lấy một cây kéo rồi trèo qua tường vào phòng của chị T, bị cáo dùng cây kéo mở hai ổ khóa rồi và một ổ khóa tủ sắt trong phòng, bị cáo lấy một sợi dây chuyền vàng dạng mắc xích, loại vàng 12K, trọng lượng 02 chỉ 09 phân 04 li, rồi khóa tủ, trèo về phòng của bị cáo. Sau đó ra tiệm vàng của anh Đặng Tấn K bán sợi dây chuyền lấy trộm được số tiền 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng) đem trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi bị cáo lấy trộm 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắc xích, loại vàng 12K, trọng lượng 02 chỉ 09 phân 04 li với giá trị của tài sản vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 05/10/2022) là 7.585.200 đồng (Bảy triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm đồng) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là con, em trong gia đình lẽ ra bị cáo phải biết bảo quản tài sản, phụ giúp quản lý hay đóng góp cho

cuộc sống gia đình nhưng bị cáo chỉ vì tham lam, muốn có tài sản nhanh chóng mà không cần phải bỏ công sức lao động để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh chị bị cáo.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, giúp đỡ bị cáo sửa chữa hành vi sai trái của mình, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhờ và tác động mẹ của bị cáo là bà Bùi Thị T bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo khi chấp hành án nên không phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bùi Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Ngọc M 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu đen dài 23 cm, quai cầm bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, ghi chữ ZSOLEX-R đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, ghi chữ VIET TIEP đã qua sử dụng; 06 (sáu) chìa khóa bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD hỏi cung bị cáo được niêm phong ngày 08/12/2022.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- Công an Q. Ô;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng